

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ - ST
Ngày 14 – 01 - 2021
V/v "Tranh chấp ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Tùng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Dung

2. Bà Trần Kim Phụng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Tân Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tham gia phiên tòa:*

Ông Nguyễn Hùng Phong – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Long xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 69/2020/TLST – HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXX – ST ngày 29 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Công H, sinh năm 1966 (Có mặt)

Bị đơn: Chị Vũ Thị G, sinh năm 1972 (Xin vắng mặt)

Cùng trú tại: Tổ 03, ấp ThT, xã ThL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn anh Trần Công H trình bày:

Về hôn nhân: Anh Trần Công H và chị Vũ Thị G quen biết nhau trong khoảng thời gian một năm và tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1995, nhưng không đăng ký kết hôn, cả hai anh, chị chưa kết hôn lần nào. Do chưa tổ chức đám cưới và chưa đăng ký kết hôn mà về sống chung với nhau nên phía gia đình bên chị G thấy vậy nên không đồng ý cho tổ chức đám cưới và như vậy anh H, chị G không tổ chức đám cưới được và cũng không đăng ký kết hôn mà cơ quan có thẩm quyền cũng không yêu cầu nên anh H và chị G đăng ký kết hôn khi đến liên hệ đăng ký khai sinh cho các con. Anh H và chị G sống với nhau như vợ chồng. Nguyên nhân yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn là do thời gian gần đây chị G tham gia bán hàng đa cấp anh H không đồng ý và khuyên không được nên cả hai xảy ra

bất đồng, xô xát. Nay xét thấy không thể tiếp tục sống chung với nhau thêm được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn với chị Vũ Thị G.

Bị đơn chị Vũ Thị G trình bày: Chị G vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Chị G yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; chị G vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua biên bản ghi lời khai chị G không đồng ý ly hôn với anh H, không tranh chấp tài sản.

Về con chung: Quá trình chung sống anh H và chị G có ba con chung trong đó các con tên Trần Thị Thu H, sinh năm 1996, Trần Thị Thu Tr, sinh năm 1999 đã lập gia đình, có cuộc sống tự lập còn Trần Đình H, sinh ngày 15/3/2003 hiện nay đang học lớp 12 trường THPT Bình Long, thị xã Bình Long và sống cùng với anh H và chị G nay ly hôn anh H có nguyện vọng nuôi cháu H và không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đúng thành phần, quy định của pháp luật về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Trần Công H, tuyên bố anh Trần Công H và chị Vũ Thị G không phải là vợ chồng, đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh Trần Công H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Đình Hoàng, sinh ngày 15/3/2003 cho đến khi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Công H; bị đơn chị Vũ Thị G có địa chỉ tại ấp ThT, xã ThL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn chị Vũ Thị G vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Công H và chị Vũ Thị G quen biết nhau trong khoảng thời gian một năm và tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1995, nhưng không đăng ký kết hôn, cả hai anh, chị chưa kết hôn lần nào. Do anh chị chung sống với nhau mà chưa tổ chức lễ cưới nên gia đình chị G không đồng ý. Cho nên dự kiến tổ chức đám cưới đã không diễn ra, như vậy anh chị không tổ chức đám cưới được và cũng không đăng ký kết hôn. Khi đi đăng ký khai sinh cho các con mà cơ quan có thẩm quyền cũng không yêu cầu đăng ký kết hôn nên anh chị sinh sống bình thường với nhau như vợ chồng. Nhưng thời gian gần đây do chị

G tham gia bán hàng đa cấp anh H khuyên không được nên cả hai xảy ra bất đồng, xô xát. Nay xét thấy không thể tiếp tục sống chung với nhau thêm được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh H ly hôn với chị Vũ Thị G. Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian chung sống anh H và chị G có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại các điều 9, 14 Luật hôn nhân và gia đình nay anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy anh Trần Công H và chị Vũ Thị G không phải là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị G và anh H có với nhau ba con chung tên Trần Thị Thu H, sinh năm 1996, Trần Thị Thu Tr, sinh năm 1999 đã lập gia đình, có cuộc sống tự lập nên không đặt ra.

Đối với con chung tên Trần Đình H, sinh ngày 15/3/2003, hiện nay đang học lớp 12 trường THPT Bình Long, thị xã Bình Long, sống cùng với anh H và chị G nay chấm dứt quan hệ sống chung như vợ chồng anh H có nguyện vọng nuôi cháu H và không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con. Chị Vũ Thị G vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Chị G yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy con chung của anh H và chị G tên Trần Đình H, sinh ngày 15/3/2003, hiện nay đang sống cùng với anh H và chị G nay chấm dứt quan hệ sống chung như vợ chồng anh H có nguyện vọng nuôi cháu H, phù hợp với nguyện vọng của cháu H và phù hợp với quy định của pháp luật theo quy định của pháp luật tại các Điều 68, Điều 69, Điều 71 và Điều 72 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho anh Trần Công H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Đình H, sinh ngày 15/3/2003 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân. Anh H không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra. Chị G được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, anh H không có quyền ngăn cấm cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì anh Trần Công H chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 147, Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 9, 14, Điều 53, Điều 68, Điều 69, Điều 71 và Điều 72 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Trần Công H và chị Vũ Thị G không phải là vợ chồng.
2. Về con chung: Giao cho anh Trần Công H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Đình H, sinh ngày 15/3/2003 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và có

khả năng lao động tự nuôi sống bản thân. Anh H không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra.

Chị G được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, anh H không có quyền ngăn cấm cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Công H chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001652 ngày 25/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- TAND T Bình Phước;
- VKSND TX Bình Long;
- Các đương sự;
- CCTHADS TX Bình Long;
- UBND cấp xã.
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Đình Tùng

